

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 12/2005/TT-
BLĐTBXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 1 năm 2005

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 113/2004/NĐ-CP ngày 16/04/2004
của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao
động***

*Thi hành Điều 37 Nghị định số 113/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 04 năm 2004 của
Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động;*

Bộ Lao động - thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2004/NĐ-CP ngày 16/04/2004 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động (sau đây gọi tắt là "Nghị định số 113/2004/NĐ-CP").

2. Các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính

- a) Cá nhân, tổ chức nước ngoài thuộc diện được hưởng quyền miễn trừ xử phạt hành chính theo quy định của pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam;
- b) Trường hợp hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 113/2004/NĐ-CP;
- c) Vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm, hồ sơ được chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật hình sự.

3. Người có thẩm quyền xử phạt khi xử lý các hành vi vi phạm pháp luật lao động phải căn cứ các hành vi vi phạm hành chính về pháp luật lao động, hình thức và mức phạt cụ thể tại Nghị định số 113/2004/NĐ-CP để quyết định đúng mức phạt; đồng thời hướng dẫn tổ chức, cá nhân bị xử phạt thực hiện quyết định xử phạt đúng quy định.

II. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Vi phạm quy định về việc làm tại điểm d, khoản 1; khoản 2; điểm a, khoản 3

Điều 8 của Nghị định số 113/2004/NĐ-CP được áp dụng đối với:

a) Vi phạm một trong những quy định về thủ tục tuyển lao động được quy định tại Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/04/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm và Thông tư số 20/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 09 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Về mức trợ cấp mất việc làm đối với người lao động: người sử dụng lao động trả trợ cấp mất việc làm thấp hơn mức Quy định tại Điều 17 của Bộ luật Lao động;

c) Việc lập quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm không đúng quy định tại khoản 3 Điều 17 của Bộ luật Lao động, Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/04/2003 của Chính phủ, Thông tư số 82/2003/ TT-BTC ngày 14/08/2003 và Thông tư số 07/2004/TT-BTC ngày 09/02/2004 của Bộ Tài chính.

2. Vi phạm quy định về học nghề tại khoản 1, 2 Điều 9 của Nghị định số 113/2004/NĐ-CP được áp dụng đối với:

a) Vi phạm một trong những quy định về việc thành lập, đăng ký, hoạt động, chia tách, sáp nhập, đình chỉ hoạt động và giải thể cơ sở dạy nghề được quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 15, 16, 17, 19, 24 và 27 của Nghị định số 02/2001/NĐ-CP ngày 09/01/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Bộ luật Lao động và Luật Giáo dục về dạy nghề;

b) Thu học phí học nghề đối với người thuộc đối tượng không phải thu quy định tại các Điều 65, 66 của Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 04 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người hoạt

động cách mạng, liệt sỹ và gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng;

c) Thu học phí cao hơn khung quy định đối với học sinh học nghề được quy định tại điểm 2.1 khoản 2, Điều 3 của Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/03/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Vi phạm quy định về hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 113/2004/NĐ-CP được áp dụng trong trường hợp:

Người lao động thực tế đã làm việc với thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên nhưng chưa được người sử dụng lao động giao kết hợp đồng lao động hoặc trong trường hợp người lao động đã hoàn thành liên tục hai hợp đồng lao động xác định thời hạn, sau đó lại tiếp tục làm việc mà người sử dụng lao động không giao kết hợp đồng lao động hay có giao kết nhưng với thời hạn xác định cũng được coi là giao kết hợp đồng không đúng loại.

4. Vi phạm quy định về bảo hiểm xã hội tại Điều 18 và 21 của Nghị định số 113/2004/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

a) Hành vi đóng bảo hiểm xã hội không đầy đủ cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Điều lệ Bảo hiểm xã hội) bao gồm:

- Đóng không đúng mức quy định;
- Đóng không đủ thời gian theo quy định.

b) Hành vi không đóng hoặc không trả tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Điều lệ Bảo hiểm xã hội nói trên bao gồm:

- Người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm xã hội;
- Người sử dụng lao động đã thu 5% tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động và không trích 15% so với tổng quỹ tiền lương của những người tham gia bảo hiểm xã hội trong đơn vị để đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội;